

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /2020/QĐ-UBND

Hậu Giang, ngày 12 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang

SỞ TƯ PHÁP HẬU GIANG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

ĐẾN

Số: 752

Ngày: 14/02

Chuyên:

Lưu hồ sơ số:

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang ban hành kèm theo Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được bồi thường bằng đất ở tái định cư (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài không có nhu cầu bồi thường bằng đất ở theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) như sau:

a) Diện tích đất ở bị thu hồi bằng hoặc nhỏ hơn 150m², bồi thường bằng một (01) nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư.

b) Diện tích đất ở bị thu hồi lớn hơn 150m², bồi thường bằng hai (02) nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư.

c) Đối với trường hợp bồi thường bằng đất ở tái định cư tại Điểm a, b Khoản này nếu có chênh lệch về giá trị giữa tiền bồi thường về đất với tiền đất ở tái định cư thì căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 30 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP để xử lý. Trong đó:

- Tiền bồi thường về đất được xác định theo giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

- Tiền đất ở tái định cư được xác định theo giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định như trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 23 của Quy định này.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm đ Khoản 3 Điều 14 như sau:

“đ) Nhà (bao gồm cả nhà ở) và công trình xây dựng sau khi có thông báo thu hồi đất hoặc khi xây dựng có văn bản xử lý, ngăn chặn của cấp thẩm quyền theo quy định thì không bồi thường, không hỗ trợ.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau:

“Điều 16. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ

Việc bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ trong trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại tùy theo đặc điểm của từng công trình, dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”

4. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 19 như sau:

“1. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng một (01) lần giá đất nông nghiệp cùng loại thuộc vị trí còn lại, cùng địa bàn xã, phường, thị trấn trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định.”

5. Sửa đổi, bổ sung Khoản 7 Điều 22 như sau:

“7. Hộ gia đình chính sách (có giấy chứng nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), hộ nghèo, hộ cận nghèo (có sổ theo quy định) khi bị thu hồi hết đất ở hoặc hết đất sản xuất nông nghiệp hoặc được bồi thường, hỗ trợ nhà ở, phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ như sau:

a) Bà Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động; gia đình thương binh, gia đình liệt sĩ (cha, mẹ, vợ, chồng, con là liệt sĩ); gia đình có công với cách mạng, gia đình có cán bộ Lão thành cách mạng: 6.000.000 đồng/hộ.

b) Gia đình có đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên: 3.000.000 đồng/hộ.

c) Hộ nghèo: 5.000.000 đồng/hộ; hộ cận nghèo: 3.000.000 đồng/hộ.

d) Trường hợp trong một hộ gia đình có nhiều đối tượng chính sách được hưởng như nêu trên thì chỉ tính một mức hỗ trợ của đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

đ) Đối tượng là “gia đình liệt sĩ” tiền hỗ trợ sẽ chi trả trực tiếp cho người thờ phụng.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Bố trí tái định cư, giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 10, Điểm a Khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì thực hiện bố trí tái định cư như sau:

a) Diện tích đất ở bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng từ bằng hoặc nhỏ hơn 150m², bố trí một (01) nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư.

b) Diện tích đất ở bị thu hồi hoặc bị ảnh hưởng lớn hơn 150m², bố trí hai (02) nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư.

Riêng đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì diện tích đất ở bố trí tái định cư không được vượt hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Thực hiện giao một (01) nền diện tích theo quy hoạch tại khu tái định cư cho các trường hợp sau đây:

a) Hộ gia đình được giao đất ở tại khu tái định cư quy định tại Khoản 3 Điều 6 của Quy định này;

b) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại Khoản 4 Điều 6, Khoản 5 Điều 7 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

c) Hộ gia đình, cá nhân (ở nhờ trên đất của người có đất bị thu hồi hoặc sống trên sông, rạch, kênh mương) bị di chuyển chỗ ở mà không có chỗ ở (nhà ở, đất ở) nào khác trong xã, phường, thị trấn tại nơi giải tỏa;

d) Các trường hợp quy định tại Điểm a, b, c Khoản này phải có Sổ hộ khẩu hoặc Sổ tạm trú tại nơi giải tỏa hoặc có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn có sinh sống liên tục tại nơi giải tỏa trước thời điểm thông báo thu hồi đất từ đủ 12 tháng trở lên.

đ) Các trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư

a) Đối với các khu tái định cư do ngân sách Nhà nước đầu tư: Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp huyện xác định theo các phương pháp quy định tại Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai), trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, trong đó phân ra hai trường hợp như sau:

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư, giao đất ở tái định cư theo Quy định này mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng thì giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bố trí tái định cư, giao đất ở tái định cư theo Quy định này mà diện tích tính thu tiền sử dụng đất của thửa đất hoặc khu đất có giá trị (tính theo giá đất trong Bảng giá đất) từ 20 tỷ đồng trở lên thì giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định theo phương pháp so sánh trực tiếp, chiết trừ, thu nhập, thặng dư.

b) Trường hợp bố trí tái định cư, giao đất ở tái định cư tại chỗ nếu có đủ điều kiện bố trí tái định cư tại dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để bán kết hợp cho thuê hoặc dự án tái định cư không xây dựng từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định theo suất vốn đầu tư dự án chia cho diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án.

Suất vốn đầu tư dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tái định cư xác định theo nội dung của suất vốn đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng công bố và có giá trị pháp lý tại thời điểm xác định cộng với một số chi phí hợp lý khác có liên quan đến dự án gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.”

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 24 như sau:

“2. Hỗ trợ khác đối với những trường hợp không thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 22 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, nhưng được cơ quan có thẩm quyền xem xét bố trí tái định cư, giao đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ 72.000.000 đồng/trường hợp.”

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 02 năm 2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. TU và các Ban đảng;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- VP. Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP. HĐND và các ban HĐND tỉnh;
- Như Điều 4;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.NCTH

QĐ gia dat final

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên